

Số: 138/TB-UBND

Chiêm Hóa, ngày 28 tháng 9 năm 2018

**THÔNG BÁO**

**Về việc tuyển dụng bổ sung viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2017  
cho những đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng có  
điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc  
tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ  
Hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi  
dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ  
Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức, quy chế thi thăng hạng  
chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng  
chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân  
tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định phân cấp quản lý viên chức; Quyết định số  
04/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ  
sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý viên chức ban hành kèm theo Quyết  
định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 17/3/2018 của Ủy ban nhân dân  
tỉnh Tuyên Quang phê duyệt kế hoạch tuyển dụng bổ sung viên chức năm 2017  
cho những đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng có điều  
kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 1850/UBND-NC ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân  
tỉnh Tuyên Quang về việc tuyển dụng viên chức;

Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 25/9/2018 của Ban Chỉ đạo tuyển  
dụng viên chức năm 2017.

Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa thông báo tuyển dụng viên chức năm  
2017 cho những đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng có  
điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện như sau:

**I. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG: 80 chỉ tiêu, trong đó:**

- 1. Giáo viên Mầm non:** 19 chỉ tiêu
- 2. Giáo viên Tiểu học:** 20 chỉ tiêu
- 3. Giáo viên Trung học cơ sở:** 41 chỉ tiêu

*(Có biểu chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng của từng đơn vị kèm theo)*

## II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG

### 1. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển viên chức sự nghiệp giáo dục phải có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng và có đủ điều kiện quy định tại Điều 22 Luật Viên chức;

### 2. Hình thức tuyển dụng

#### 2.1. Xét tuyển

\* *Đối tượng xét tuyển*

- *Đối với bậc học Mầm non*

Người đang hợp đồng làm giáo viên Mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục Mầm non giai đoạn 2011-2015; trong định mức đã được cấp có thẩm quyền cho ý kiến; có thời gian hợp đồng làm giáo viên tối thiểu là 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc).

- *Đối với bậc học Tiểu học và Trung học cơ sở*

+ Những người được cử đi học theo chế độ cử tuyển của UBND tỉnh (Có Quyết định) đã tốt nghiệp, có trình độ chuyên môn đúng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

+ Những người thuộc đối tượng chính sách, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, có trình độ chuyên môn đúng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

+ Những người thuộc đối tượng thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao của tỉnh quy định tại Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học, giai đoạn 2017 – 2021, có trình độ chuyên môn đúng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

+ Những người thuộc đối tượng: Con liệt sỹ, con thương binh, con bệnh binh, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học bị mất khả năng lao động 81% trở lên, có trình độ chuyên môn đúng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

\* *Nội dung xét tuyển*

Thực hiện theo Điều 11, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

#### 2.2. Thi tuyển

\* *Đối tượng thi tuyển*

Các trường hợp đủ điều kiện dự tuyển theo quy định (bao gồm cả các trường hợp đã dự xét tuyển nhưng không đạt).

### \* Nội dung thi tuyển

Người dự thi tuyển viên chức phải thực hiện các bài thi sau: Thi kiến thức chung và thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành. Việc thi tin học văn phòng và ngoại ngữ đối với người dự thi tuyển viên chức thực hiện theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm.

- Thi kiến thức chung: Thi viết về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực tuyển dụng.

- Thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành:

+ Thi viết về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm cần tuyển;

+ Thi thực hành về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm cần tuyển dụng;

Trường hợp vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành là ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin, bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành là ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin thì người dự tuyển không phải thi ngoại ngữ hoặc thi tin học văn phòng.

- Thi ngoại ngữ (tiếng anh): Thi viết.

Đối với vị trí việc làm giáo viên Trung học cơ sở hạng III, giáo viên Tiểu học hạng IV thực hiện bài thi ở trình độ tương đương bậc 1, theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thi tin học văn phòng: Thi trắc nghiệm thực hành trên máy tính; trình độ tương đương trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

### III. HỒ SƠ DỰ TUYỂN; THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ DỰ TUYỂN

**1. Hồ sơ dự tuyển:** Hồ sơ dự tuyển do Sở Nội vụ phát hành (*thí sinh mua hồ sơ tại Phòng Nội vụ huyện*). Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký dự tuyển viên chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BNV.

- Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật (dán ảnh 4x6), có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú*) trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt.

- Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận, theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe.

- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (*nếu có*) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.

- Bản sao Giấy khai sinh có chứng thực.
- 03 phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của thí sinh hoặc người nhận thông tin cho thí sinh đăng ký dự tuyển.

**Chú ý:** Hồ sơ phải đủ các thành phần nêu trên, hồ sơ không đủ thành phần nêu trên là hồ sơ không hợp lệ và không đủ điều kiện dự tuyển. Mỗi thí sinh dự tuyển chỉ nộp 01 hồ sơ dự tuyển tại 01 Hội đồng thi và vào 01 vị trí cần tuyển dụng.

## 2. Thời hạn, địa điểm nhận hồ sơ dự tuyển

- Thời hạn nhận hồ sơ: Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 26/10/2018 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).
- Địa điểm nhận hồ sơ: Tại Phòng Nội vụ huyện Chiêm Hóa.
- Người nhận hồ sơ: Ông Mai Xuân Tuyên, viên chức biệt phái tại Phòng Nội vụ, số điện thoại liên hệ: 0207.3851.350.

## IV. LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

Thí sinh đủ điều kiện dự tuyển nộp phí tuyển dụng theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, các Trường học trực thuộc UBND huyện, có trách nhiệm niêm yết công khai Thông báo này tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

2. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện có trách nhiệm thông báo trên sóng phát thanh, truyền hình huyện và đăng tải thông báo này lên Trang thông tin điện tử của huyện.

Trên đây là Thông báo của Ủy ban nhân dân huyện về tuyển dụng viên chức năm 2017 cho những đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện. /

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Sở Nội vụ;
- Sở Thông tin, TT (Đăng công thông tin điện tử);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ, Phòng GD&ĐT huyện;
- Văn phòng HĐND & UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử Chiêm Hóa;
- Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện;
- UBND các xã, thị trấn; các đơn vị trường học;
- Lưu VT.

(Báo cáo);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Dũng

UBND HUYỆN CHIÊM HÓA



**KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NHỮNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP  
Ở VÙNG SÂU, VÙNG XA, VÙNG CAO, VÙNG CÓ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN  
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA**

(Kèm theo Thông báo số 138/TB-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa)

| TT       | Tên đơn vị                | Chỉ tiêu tuyển dụng | Chức danh, vị trí việc làm cần tuyển dụng |            | Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo |
|----------|---------------------------|---------------------|---|------------|---|
|          |                           |                     | Chức danh, vị trí việc làm                | Mã số      |   |
|          | <b>Tổng cộng</b>          |                     |   |            |   |
| <b>1</b> | <b>Cấp học Mầm non</b>    | <b>19</b>           |   |            |   |
| 1.1      | Trường Mầm non Phúc Sơn   | 1                   | Giáo viên mầm non hạng IV                 | V.07.02.06 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Mầm non        |
| 1.2      | Trường Mầm non Tân Mỹ     | 2                   | Giáo viên mầm non hạng IV                 | V.07.02.06 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Mầm non        |
| 1.3      | Trường Mầm non Hùng Mỹ    | 2                   | Giáo viên mầm non hạng IV                 | V.07.02.06 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Mầm non        |
| 1.4      | Trường Mầm non Xuân Quang | 4                   | Giáo viên mầm non hạng IV                 | V.07.02.06 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Mầm non        |
| 1.5      | Trường Mầm non Yên Lập    | 3                   | Giáo viên mầm non hạng IV                 | V.07.02.06 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Mầm non        |
| 1.6      | Trường Mầm non Kiên Đài   | 1                   | Giáo viên mầm non hạng IV                 | V.07.02.06 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Mầm non        |
| 1.7      | Trường Mầm non Linh Phú   | 2                   | Giáo viên mầm non hạng IV                 | V.07.02.06 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Mầm non        |
| 1.8      | Trường Mầm non Hòa An     | 2                   | Giáo viên mầm non hạng IV                 | V.07.02.06 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Mầm non        |
| 1.9      | Trường Mầm non Hà Lang    | 2                   | Giáo viên mầm non hạng IV                 | V.07.02.06 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Mầm non        |



|      |                                  |           |  |            |  |
|------|----------------------------------|-----------|--|------------|--|
| 2    | <b>Cấp học Tiểu học</b>          | <b>20</b> |  |            |  |
| 2.1  | Trường Tiểu học Minh Quang       | 2         |  |            |  |
|      |                                  | 1         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |
|      |                                  | 1         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Tiếng Anh | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiếng Anh         |
| 2.2  | Trường Tiểu học số 1 Tân Mỹ      | 1         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |
| 2.3  | Trường Tiểu học Xuân Quang       | 1         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |
| 2.4  | Trường Tiểu học Phú Bình         | 1         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Thể dục   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Giáo dục thể chất |
| 2.5  | Trường Tiểu học Yên Lập          | 1         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |
| 2.6  | Trường Tiểu học Kiên Đài         | 2         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |
| 2.7  | Trường Tiểu học Tri Phú          | 2         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |
| 2.8  | Trường Tiểu học Hòa An           | 3         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |
| 2.9  | Trường Tiểu học Phúc Sơn         | 3         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |
| 2.10 | Trường Tiểu học và THCS Bình Phú | 2         |  |            |  |
|      |                                  | 1         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Tiếng Anh | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiếng Anh         |
|      |                                  | 1         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |
| 2.11 | Trường Tiểu học và THCS Hùng Mỹ  | 2         | Giáo viên Tiểu học hạng IV dạy Văn hóa   | V.07.03.09 | Trung cấp trở lên, ngành sư phạm Tiểu học          |



|     |  |    |                                       |            |  |
|-----|--|----|---------------------------------------|------------|--|
| 3   | Cấp học Trung học cơ sở                          | 41 |                                       |            |  |
| 3.1 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Minh Quang | 5  |                                       |            |  |
|     |  | 2  | Giáo viên THCS hạng III dạy Toán học  | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán hoặc Toán - Lý  |
|     |  | 1  | Giáo viên THCS hạng III dạy Tin học   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán - Tin, Tin học hoặc ngành Công nghệ thông tin có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS |
|     |  | 2  | Giáo viên THCS hạng III dạy Ngữ văn   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, một trong các ngành Ngữ văn, Văn - Sử hoặc Văn - Công tác đội  |
| 3.2 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Phúc Sơn   | 8  |                                       |            |  |
|     |  | 2  | Giáo viên THCS hạng III dạy Tin học   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán - Tin, Tin học hoặc ngành Công nghệ thông tin có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS |
|     |  | 1  | Giáo viên THCS hạng III dạy Toán học  | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán hoặc Toán - Lý  |
|     |  | 1  | Giáo viên THCS hạng III dạy Ngữ văn   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, một trong các ngành Ngữ văn, Văn - Sử hoặc Văn - Công tác đội  |
|     |  | 1  | Giáo viên THCS hạng III dạy Hóa học   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Hóa học  |
|     |  | 1  | Giáo viên THCS hạng III dạy Địa lý    | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Địa lý   |
|     |  | 2  | Giáo viên THCS hạng III dạy Tiếng Anh | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS                     |



|     |                          |   |  |            |  |
|-----|--------------------------|---|--|------------|--|
|     | Trường THCS Tân Mỹ       | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Tiếng Anh              | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS                     |
| 3.4 | Trường TH& THCS Tân Mỹ   | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Sinh học               | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Sinh học, Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp hoặc Sinh - Thử dục  |
| 3.5 | Trường THCS Xuân Quang   | 3 |  |            |  |
|     |                          | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Ngữ văn                | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, một trong các ngành Ngữ văn, Văn - Sử hoặc Văn - Công tác đội  |
|     |                          | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Sinh học               | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Sinh học, Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp hoặc Sinh - Thử dục  |
|     |                          | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Tiếng Anh              | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS                     |
| 3.6 | Trường THCS Phú Bình     | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Tin học                | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán - Tin, Tin học hoặc ngành Công nghệ thông tin có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS |
| 3.7 | Trường THCS Yên Lập      | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Sử - Giáo dục công dân | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Sử - Giáo dục công dân hoặc ngành Giáo dục công dân  |
| 3.8 | Trường TH& THCS Bình Phú | 3 |  |            |  |
|     |                          | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Hóa học                | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Hóa học  |
|     |                          | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Địa lý                 | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Địa lý   |
|     |                          | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Mỹ Thuật               | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Mỹ thuật hoặc ngành Mỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS                       |





|      |  |   |                                       |            |   |
|------|--|---|---------------------------------------|------------|---|
| 3.9  | Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Kiên Đài | 5 |                                       |            |   |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Mỹ Thuật  | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Mỹ thuật hoặc ngành Mỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS                              |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Sinh học  | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Sinh học, Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp hoặc Sinh - Thể dục   |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Tiếng Anh | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS                            |
|      |  | 2 | Giáo viên THCS hạng III dạy Toán học  | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán hoặc Toán - Lý   |
| 3.10 | Trường THCS Linh Phú                           | 3 |                                       |            |   |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Thể dục   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Giáo dục thể chất, Sinh - thể hoặc ngành Thể dục thể thao có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Toán học  | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán hoặc Toán - Lý   |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Mỹ Thuật  | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Mỹ thuật hoặc ngành Mỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS                              |
| 3.11 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Tri Phú  | 3 |                                       |            |   |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Âm Nhạc   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Âm nhạc hoặc ngành Âm nhạc có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS                                |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Thể dục   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Giáo dục thể chất, Sinh - thể hoặc ngành Thể dục thể thao có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS |



|      |  |   |                                       |            |  |
|------|--|---|---------------------------------------|------------|--|
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Toán học  | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán hoặc Toán - Lý  |
| 3.12 | Trường THCS Hòa An                             | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Địa lý    | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Địa lý   |
| 3.13 | Trường THCS Hà Lang                            | 2 |                                       |            |  |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Hóa học   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Hóa học  |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Địa lý    | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Địa lý   |
| 3.14 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trung Hà | 4 |                                       |            |  |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Toán học  | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán hoặc Toán - Lý  |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Địa lý    | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Địa lý   |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Tin học   | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Toán - Tin, Tin học hoặc ngành Công nghệ thông tin có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS |
|      |  | 1 | Giáo viên THCS hạng III dạy Tiếng Anh | V.07.04.12 | Cao đẳng trở lên, ngành sư phạm Tiếng Anh hoặc ngành Tiếng Anh có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS                     |